

BÁT NHÃ TÂM KINH TRONG XUÂN, HẠ, THU, ĐÔNG... RỒI LẠI XUÂN

TRẦN QUANG MINH*

Tóm tắt: *Bộ phim kể về cuộc hành trình của một chủ tiêu và sư phụ của mình tu tập trong ngôi chùa ẩn mình giữa hồ nước mênh mông. Phim thể hiện sự thay đổi thời gian qua bốn mùa trong năm, từ mùa xuân đến mùa đông, cũng là những vận động và thay đổi trong quá trình hành tu của hai thầy trò. Đạo diễn Kim Ki-duk đã khái quát hành trình này như một bức tranh đầy tĩnh lặng, tinh tế nhưng cũng không kém phần xung đột nội tâm để tìm kiếm, trưởng thành và giải thoát về tâm linh của họ.*

Từ khóa: Xuân, Hạ, Thu, Đông... rồi lại Xuân, Kim Ki-duk, Tứ Diệu Đế, Bát Nhã tâm kinh.

Abstract: *"Spring, Summer, Fall, Winter... and Spring" tells the story of a young monk and his master in a remote temple in the middle of a vast lake. The film follows the passage of time through the seasons of the year alongside the movements and changes in the journey of the two monks. The director, Kim Ki-duk, depicted this journey as a picture of quietude and subtlety, but it is not without inner conflict as the characters search for spiritual enlightenment and liberation.*

Keywords: Spring, Summer, Fall, Winter... and Spring, Kim Ki-duk, Four Noble Truths, Heart Sutra



Bộ phim *Xuân, Hạ, Thu, Đông... rồi lại Xuân* (*Spring, Summer, Fall, Winter... and Spring*) là tác phẩm điện ảnh của cố đạo diễn Kim Ki-duk, một trong những đạo diễn nổi tiếng dị biệt của Hàn Quốc. Bộ phim được công chúng cũng như giới phê bình đánh giá cao và đã được phát hành vào năm 2003. Trong các tác phẩm của ông, có lẽ đây là bộ phim dễ cảm và ít gây tranh cãi nhất.

Tác phẩm này từng nhận về rất nhiều giải thưởng, như C.I.C.A.E (giải của Liên đoàn nghệ thuật Điện ảnh quốc tế), Don Quixote, giải thưởng của Ban giám khảo trẻ tại Liên hoan phim quốc tế Locarno, giải thưởng Khán

giả bình chọn của Liên hoan phim quốc tế San Sebastian, giải Đại Chung Phim xuất sắc nhất 2004...

Để hiểu việc đưa kinh *Bát Nhã tâm kinh* vào bộ phim *Xuân, Hạ, Thu, Đông... rồi lại Xuân* của đạo diễn Kim Ki Duk một cách độc đáo như thế nào, cần phải hiểu rõ bản chất của bộ phim cũng như thông điệp sâu sắc của bài kinh này.

Bát Nhã tâm kinh là một trong những bài kinh kinh điển, quan trọng nhất trong hệ thống kinh điển Đại thừa của Phật giáo, đặc biệt là trong các trường phái như Thiên tông, Tịnh độ tông, và Mật tông. *Bát Nhã tâm kinh* là một trong những bản kinh ngắn gọn nhưng đầy đủ

và sâu sắc về trí tuệ Bát Nhã. Kinh này không chỉ đề cập đến triết lý về sự vô thường, vô ngã, mà còn đưa ra một cái nhìn sâu sắc về bản chất của thực tại. Nó có sự cô đọng, dễ hiểu và có khả năng truyền đạt được nội dung tinh túy về tính “không” (Śūnyatā) - một trong những khái niệm trọng tâm trong tư tưởng Phật giáo.

Cấu trúc kinh điển bắt đầu với sự chứng ngộ của Bồ-tát Quán Thế Âm (Avalokiteśvara) khi nhìn thấy rõ bản chất của thực tại. Ngài thấy rằng tất cả các pháp đều không (tức là không có tự tính, không có bản ngã, không tồn tại độc lập), và do đó, Ngài đạt được sự giải thoát. Tư tưởng trọng yếu của *Bát Nhã tâm kinh* là khái niệm vô ngã và không. Nhận thức về “không” chính là con đường dẫn đến sự giải thoát, vượt qua mọi ràng buộc của khổ đau. Mọi sự vật hiện tượng đều là vô ngã (không có bản thể độc lập) và sự giải thoát là khi người tu hành thấy rõ được tinh thần này. Điều này giúp người tu vượt qua khổ đau và đạt được trí tuệ, sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của vạn vật, cũng như sự giải thoát khỏi mọi khổ đau và ràng buộc. Trong quá trình tu học, *Bát Nhã tâm kinh* được các nhà tu hành đọc tụng, thiền định để giác ngộ sự thật về vô ngã và sự liên kết của vạn vật. *Bát Nhã tâm kinh* là nhận thức trí tuệ, không phải lý thuyết thông thường mà là sự thấy biết trực tiếp của người tu hành qua thực hành thiền quán và hiểu biết về bản chất của mọi hiện tượng trong đời sống.

Phim của Kim Ki Duk nổi bật với việc kết hợp những yếu tố tâm linh, triết lý Phật giáo, và sự thấu hiểu về cuộc đời thông qua những hình ảnh tưởng chừng như tĩnh lặng nhưng lại chứa đựng ý nghĩa rất sâu sắc. Bước vào bộ phim, hình ảnh *Xuân, Hạ, Thu, Đông... rồi lại Xuân* đưa khán giả đến với một ngôi chùa cô độc giữa hồ nước,

nơi có vị sư già cư ngụ và tu hành cùng với một chú tiểu. Ở đây, khán giả sẽ chứng kiến cuộc đời của chú tiểu, với mỗi mùa xuân - hạ - thu - đông ứng với từng giai đoạn dấu mốc của cuộc đời. Trong suốt hành trình đó, chúng ta sẽ được khái quát bằng lăng kính Phật giáo cùng học thuyết “Tứ Diệu đế”, tức “Bốn chân lý màu nhiệm”, tinh túy của Đức Phật Thích Ca: Khổ đế - Con người sinh ra đều trong bể khổ; Tập đế - chân lý về nguyên nhân cái khổ; Diệt đế - Chứng ngộ cách diệt khổ và Đạo đế - Con đường thực hành diệt khổ. Từ đó, câu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời mà đạo diễn Kim Ki Duk đặt ra sẽ dần được lý giải qua các tầng bậc của nó.

Trong *Bát Nhã tâm kinh*, một trong những thông điệp quan trọng là “sắc tức thị không, không tức thị sắc”, nghĩa là mọi vật đều không có tự tính cố định, mọi hiện tượng chỉ là sự liên kết của các yếu tố tương duyên. Một cách cụ thể, phim *Xuân, Hạ, Thu, Đông... rồi lại Xuân* đã khắc họa quá trình vô thường của đời người qua các mùa, các giai đoạn tuổi tác, thể hiện sự chuyển hóa của con người và vạn vật trong vũ trụ.

Mùa Xuân: mùa xuân biểu trưng cho sự sinh, khởi đầu và trẻ trung. Trong phim, mùa này thể hiện thời kỳ thơ ngây của người tu sĩ, hiện thân là một chú tiểu đang khao khát tìm hiểu về cuộc sống.



Ngôi chùa ẩn mình giữa một hồ nước mênh mông

Trong sắc xanh của mùa xuân, chú tiểu chạy đi hái thuốc đã nghịch ngợm buộc hòn đá vào ba con vật cá - ếch - rắn gặp trên đường rồi khoái trá nhìn chúng khổ sở. Đây là khởi đầu của “Nhân chi sơ tính bản ác”. Bản năng con người sinh ra vốn ác chứ không thiện, cái thiện chỉ có thể đến trong quá trình rèn dũa và giác ngộ. Vì vậy, Sư phụ - ở đây là vị sư già thấy vậy không lập tức la mắng mà mang về một hòn đá rồi lên cột lên lưng chú tiểu vào ban đêm. Sáng hôm sau, ông bắt chú tiểu đeo hòn đá đó đi tìm ba con vật để giải thoát cho chúng cùng lời dặn: “Nhưng nếu bất cứ một con vật nào chết, thì con sẽ mang theo hòn đá này trong tim đến hết cuộc đời”. Tuy nhiên, con cá và rắn đã chết. Chú tiểu đã vô tình tạo nghiệp. Đó là cái khổ thứ nhất – Khổ đế, cũng là cái khổ mang tính báo hiệu về tương lai các mùa kế tiếp.

Trong một hình thức rất đơn giản nhưng đầy ý nghĩa, người thầy dùng *Bát Nhã tâm kinh* để giảng giải cho học trò của mình về bản chất của khổ đau và vô thường. Dù không thấy sự xuất hiện của bản kinh, nhưng sự lặp lại các yếu tố như “không sinh, không diệt” hay “tâm không” trong hành động của sư phụ và chú tiểu khi họ đối thoại với cảnh vật xung quanh đều phản ánh nội dung của kinh điển này.

Mùa Hạ: mùa hạ biểu thị sự nóng bỏng, tương ứng với thời kỳ bắt đầu trưởng thành, đam mê và cảm xúc mạnh mẽ. Với sắc đỏ đánh dấu giai đoạn phát triển tâm sinh lý của đứa trẻ trở thành một người trưởng thành có tình yêu và tính dục.

Mùa hạ, chú tiểu bước vào tuổi mới lớn, rồi một ngày, một cô gái đến chùa xin chữa bệnh. Với sự trong sáng và ham muốn tuổi dậy thì, chú tiểu đem lòng yêu thương cô gái. Họ si mê rồi quan hệ tình dục với nhau. Sư phụ phát hiện ra và đuổi cô gái khỏi chùa. Tham – Sân – Si bắt đầu trỗi dậy ở tuổi học trưởng thành. Chú tiểu nay đã thành một thanh niên mới lớn, không chấp nhận được sự thật sẽ mất người mình yêu,

nên đã mang theo tượng của Bồ Tát Quán Tự Tại trốn đi. Chú không hiểu rằng Phật vốn nằm ở bên trong tâm mỗi con người (Phật tại tâm), không nằm trong hình thức của hình hài (bức tượng). Dù mang đi đến đâu Phật vẫn ở ngoài thân, Phật và người chưa thể đồng nhất thể.

Đây là tội lỗi thứ hai để dẫn cái khổ thứ ba được báo hiệu bằng lời sư phụ dặn: “Ham muốn đánh thức khao khát chiếm hữu, từ đó đánh thức ý định sát sinh”. Và quả vậy, chú trở về chùa khi đã là người đàn ông trưởng thành đầy sân hận. Người đàn ông chạy về chùa ẩn núp để trốn tội lỗi giết hại người phụ nữ anh ta yêu (Si mê) - người đã bỏ anh ta đi theo gã khác.

Trong sự tuyệt vọng, người đàn ông quyết định tự sát bằng cách bịt vào mắt, mũi và mồm ba mảnh giấy viết chữ “BẾ” (đóng) theo phương pháp giải thoát của nhà Phật. Nhưng sư phụ phát hiện kịp thời và ngăn không cho anh ta chết bởi chết không phải là hết, vì theo bốn niệm chuyên Tâm: “Thân người vốn là trần quý”. Đó là cái khổ thứ ba. Điều đáng nói là cả ba cái khổ của người đàn ông không chỉ là cái khổ của một người mang theo chấp niệm nương nhờ của Phật, mà đó là cái khổ chung của cả nhân gian. Trong phần này, triết lý của kinh Bát Nhã giúp người xem thấy rõ mối liên hệ giữa dục vọng và đau khổ, cũng như việc nhận thức rằng chỉ khi bỏ qua những ham muốn đó thì mới có thể đạt được sự giải thoát, giống như lời kinh nói về “tất cả mọi sự đều là không”.

Mùa Thu: mùa thu tượng trưng cho sự trưởng thành và sự thay đổi. Đây là mùa đại diện cho việc đối diện với hậu quả của các hành động trong quá khứ và khám phá nhân sinh quan của con người từ góc nhìn Phật giáo.

Theo Tập đề - chân lý về nguyên nhân cái khổ, sự đau đớn này xuất phát từ vô minh - không tìm được ánh sáng của đời mình, không biết được đâu là sự thật, là đúng sai, là bản chất của vạn vật. Vì vậy nên trong mùa xuân, chú tiểu (nhỏ) vô tình gắn hòn đá lên lưng những

sinh mạng bé nhỏ mà không hề quan tâm chúng sẽ bị chết, mùa hạ chàng thanh niên (dậy thì) rơi vào lưới tình không biết rằng tình yêu không bao giờ là mãi mãi, và mùa thu – người đàn ông (trưởng thành) quyết định chạy trốn tội lỗi của mình bằng cách tự kết liễu đời mình mà không biết rằng chết chỉ là thoát khỏi thân xác hiện có, nhưng phần hồn thì vẫn còn tồn tại mãi. Vì thế nên đạo diễn Kim Ki Duk đưa người xem đến quá trình diệt đế và đạo đế ở cuối mùa thu cũng như xuyên suốt mùa đông. Diệt đế là diệt khổ, chấm dứt cái khổ. Quá trình này được thể hiện qua phân đoạn người đàn ông trưởng thành mặc đồ tu hành bắt đầu ngồi khắc bài kinh Bát Nhã lên sàn ngôi chùa, theo vết mực sư phụ viết mẫu, bằng chính con dao gây tội của mình.

Trong mùa Thu, nhân vật chính - người đàn ông (trưởng thành) trải qua một sự thay đổi mạnh mẽ. Tình yêu và những quan hệ trong quá khứ giờ đã trở thành những thứ vô nghĩa khi anh ta nhận ra rằng “tất cả chỉ là ảo ảnh”. Cảnh này có thể hiểu là sự thức tỉnh của nhân vật khi anh ta tìm ra bản chất thật sự của cuộc sống và đạt được sự an tĩnh trong tâm hồn, giống như những gì *Bát Nhã tâm kinh* muốn truyền đạt về sự giác ngộ.

Một phần quan trọng trong phim là hành trình tự tìm kiếm và tự giác ngộ của nhân vật chính qua các mùa. Sự thay đổi của nhân vật từ một cậu bé ngây thơ đến một người đàn ông đầy kinh nghiệm, và cuối cùng là sự thức tỉnh tâm linh, có thể được so sánh với quá trình tu hành để đạt tới “giải thoát” trong tư tưởng Phật giáo: “Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành thâm sâu về trí tuệ Bát Nhã Ba la mật, thì soi thấy năm uẩn đều là không, do đó vượt qua mọi khổ đau ách nạn”⁽¹⁾.

Khoảnh khắc của sự nhận thức về **không** và **vô ngã** được đạo diễn thể hiện khi nhân vật chính đối mặt với cái án giết vợ, một thử thách

lớn trong cuộc đời anh ta. Thay vì việc đọc tụng hay cảm nhận về bản chất “không” của mọi sự vật của các vị tu sĩ, đạo diễn Kim Ki - Duk đã tìm ra một hình thức thể hiện khác. Khoảnh khắc này trong phim được ông dẫn dắt vô ngôn một cách tài tình. Sự khởi đầu nhập Đạo ấy bắt đầu bằng sự thiếu tập trung, vì sự sợ hãi từ những người xung quanh, từ tiếng súng bắn và cả từ thiên nhiên. Nhưng với sự hỗ trợ, định Tâm của sư phụ, tâm hồn người đàn ông đã an yên trở lại theo quá trình nhịp chữ của bản kinh: “*Khi nương tựa vào trí tuệ Bát Nhã này thì tâm không còn chướng ngại, vì tâm không chướng ngại nên không còn sợ hãi, xa lìa được cái điên đảo mộng tưởng, đạt cứu cánh Niết Bàn...*”⁽²⁾.

Nhân vật chính trong phim đã trải qua những sai lầm, những hành động đầy dục vọng và đau khổ, nhưng cuối cùng qua quá trình chiêm nghiệm, nhân vật đã dần nhận ra sự vô thường và bản chất vô ngã của tất cả mọi thứ trong cuộc đời.

Kinh Bát Nhã đã được lồng ghép vào phim qua phần âm thanh nền. Tiếng từng nhát đục chậm rãi, đều đặn, hoặc vang vọng trong những cảnh quay tĩnh, tạo ra một không gian thiền tĩnh lặng, tương đồng với không khí trong phim của Kim Ki Duk. Những cảnh quay như mặt hồ phẳng lặng, cây cối trút lá vào mùa Thu hay những đám mây trôi trong mùa Xuân đồng điệu với việc tụng kinh, mang đến một hiệu quả trực quan thị giác mạnh mẽ về sự vô thường và sự chuyển hóa của vạn vật.

Bát Nhã tâm kinh với kết cấu theo vòng luân hồi, là một khía cạnh quan trọng trong tư tưởng Thiền và triết học Phật giáo. Bản kinh này tập trung vào sự luân phiên và tái sinh của vạn vật. Thông qua bản kinh, bộ phim diễn tả hành trình cuộc đời của một người từ sự ra đời cho đến cái chết, và sau đó lại quay trở về cuộc đời mới trong một vòng luân hồi liên tiếp, liên

(1). <https://thuvienhoasen.org/a24373/tim-hieu-y-nghia-bat-nha-ba-la-mat-da-tam-kinh>

(2). <https://thuvienhoasen.org/a24373/tim-hieu-y-nghia-bat-nha-ba-la-mat-da-tam-kinh>



Người đàn ông khắc bài kinh Bát Nhã lên sàn ngôi chùa

tục, không ngừng tái sinh và thay đổi. Kết cấu vòng luân hồi trong *Bát Nhã tâm kinh* nhấn mạnh sự liên quan của vạn vật với nhau trong cuộc sống, và cách để thoát ra khỏi vòng luân hồi của số phận.

Nếu xem phần khắc kinh là quá trình tu luyện, những người bình thường xung quanh là tạp niệm xoay quanh nhân vật trung tâm thì có thể thấy, tạp niệm dần biến mất chuyển hóa thành sự tin tưởng, cảm thông còn nhân vật trung tâm thì hiểu rõ tâm của mình. Đó là khi người đàn ông đã diệt được khổ. Để rồi trong mùa đông, lúc đã thụ án xong và quay về, người đàn ông ấy – anh ta – con người mới bước vào đạo để, tu luyện để đắc đạo, chấm dứt hoàn toàn cái khổ.

Mùa Đông: mùa đông sắc trắng, biểu thị sự tĩnh lặng, cô đơn và khó khăn. Mùa tượng trưng cho sự cô độc. Người đàn ông, nay đã thay sư phụ thành một nhà tu hành, đã diễn dịch huyền nghĩa bài Tâm

kinh: Tha thứ, can đảm, bao dung, thấu hiểu, cư mang và buông bỏ. Người đàn ông giết người trước kia – nhà tu hành hôm nay, sám hối và muốn đáp đền cho vạn hữu đã cư mang mình, trong đó sư phụ và người phụ nữ đã đi qua đời ông là hai chất xúc tác đưa ông đến sự giác ngộ hoàn toàn. Vì vậy, khi đã nhận ra chân lý của đạo, vị thầy tu vác tượng Phật lên vai đi lên đỉnh núi. Ông muốn vác thay cho muôn loài tất cả những gánh nặng của thế gian khi thấu



Người Thầy dán chữ “Bé” lên các vùng mặt trước khi giải thoát qua lửa

hiếu tận cùng câu minh chú của Tâm kinh: *Lên đường, lên đường đi, hãy qua sông để tìm về bờ bên khác!* (*Gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāha!*)⁽³⁾.

Cảnh cuối cùng của bộ phim, khi nhân vật được tái sinh và bắt đầu một vòng đời mới, có thể được hiểu như một biểu tượng của sự luân phiên trong cách nhìn thế giới quan của Phật giáo. Cuộc sống và cái chết không phải là một

điểm cuối mà là một phần của chu trình vô tận của sự tái sinh.

Xin lấy lời của Thiền sư Thích Nhất Hạnh để kết thúc bài viết này.

“Một ngày kia...

khi tìm Thầy ngừng đập và mọi người nói là Thầy đã chết.

Đừng tin điều đó.

Thầy chỉ chết ở hình sắc này thôi!”⁽⁴⁾

(3). <https://thuvienhoasen.org/a24373/tim-hieu-y-nghia-bat-nha-ba-la-mat-da-tam-kinh>

(4). Thích Nhất Hạnh (2011), *Đường xưa mây trắng*, NXB. Hồng Đức, TP. HCM

*TS., Giảng viên khoa Nghệ thuật điện ảnh, trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://thuvienhoasen.org/a24373/tim-hieu-y-nghia-bat-nha-ba-la-mat-da-tam-kinh>
2. <https://thuvienhoasen.org/a1174/13-tu-dieu-de-va-bat-chanh-dao>
3. Đức Dalalama 14 (2021 tái bản), *Tứ diệu đế*, Võ Quan Nhân dịch, NXB. Hồng Đức, TP. HCM
4. Bhikkhu Bodhi (2021 tái bản), *Bát chánh đạo*, Thích Thiện Chánh dịch, NXB. Hồng Đức, TP. HCM
5. Thích Nhất Hạnh (2011), *Đường xưa mây trắng*, NXB. Hồng Đức, TP. HCM

Ngày Tòa soạn nhận được bài 7/2/2025; Ngày phản biện đánh giá: 17/2/2015
Ngày chấp nhận đăng: 1/3/2025; Ngày đăng: 25/3/2025